CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn

Ngày 30/06/2025	40,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	101.0	**50.9%**	**475.7**

DT thuần
Q2/25
98.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 74.7| 319%
YoY: ▼2.90| -2.9%

LN thuần
Q2/25
12.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.3| 500%
YoY: ▲ 10.7| 614%

LN sau thuế
Q2/25
10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.72| 439%
YoY: ▲ 8.40| 364%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
15.6%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/25
28.4%
YoY: +/-▲ 3.1%

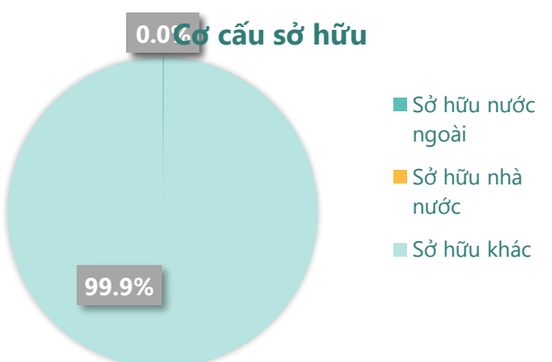
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,100 - 46,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
Số lượng CPLH (CP)	11,737,728
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,735
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.88
EPS	5,260
P/E	7.7

DT thuần
6T 2025
121
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.0| -25.3%

LN thuần
6T 2025
14.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.5| 385%

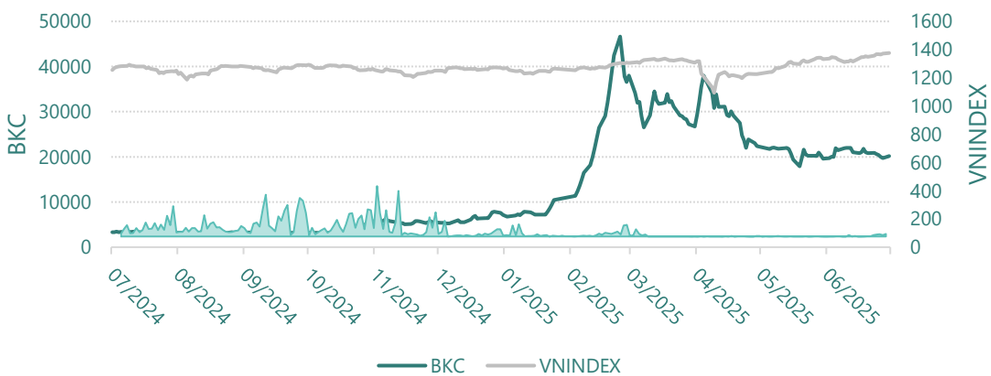
LN sau thuế
6T 2025
12.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.94| 237%

Cơ cấu sở hữu

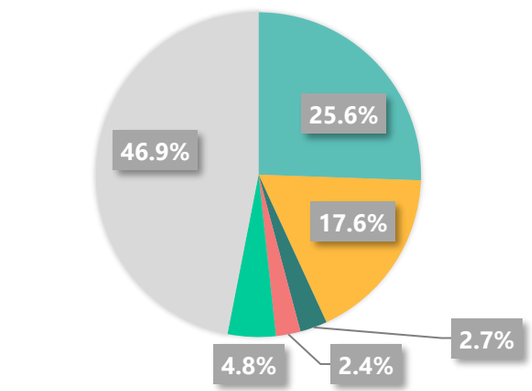


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



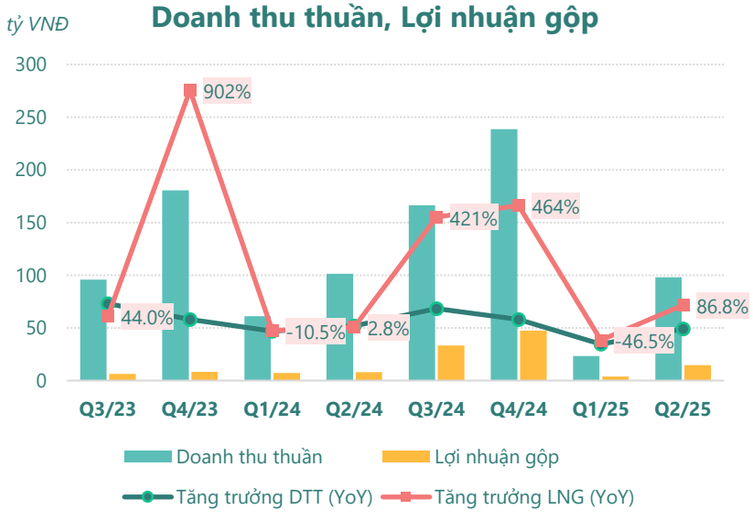
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

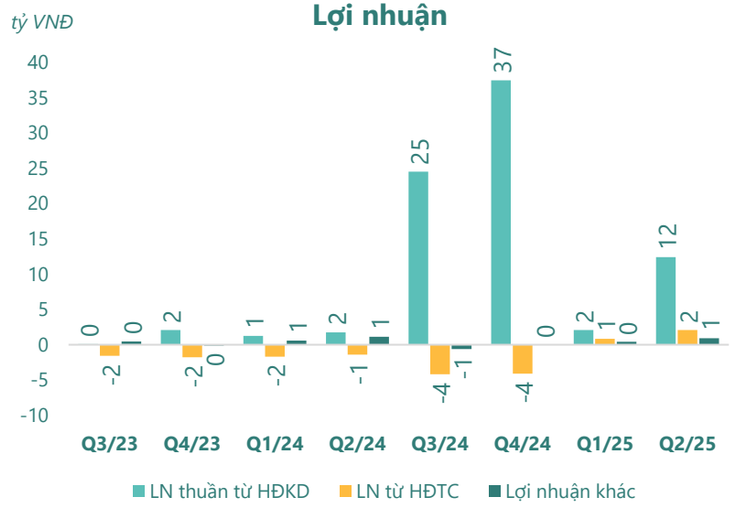
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



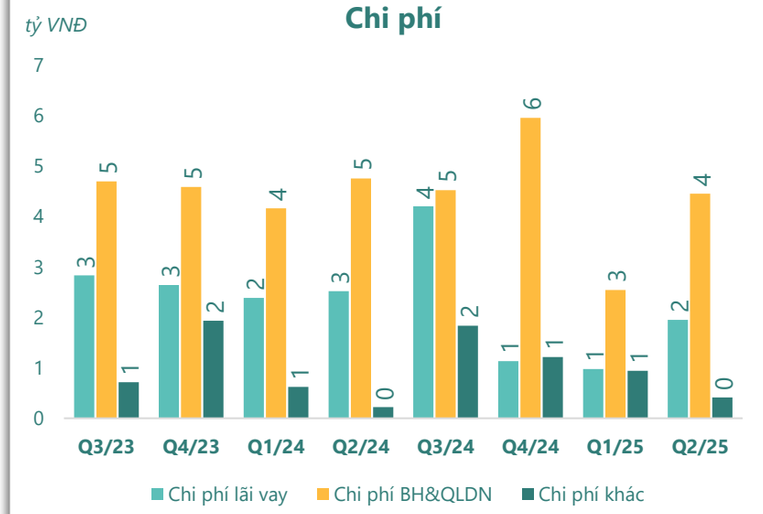
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



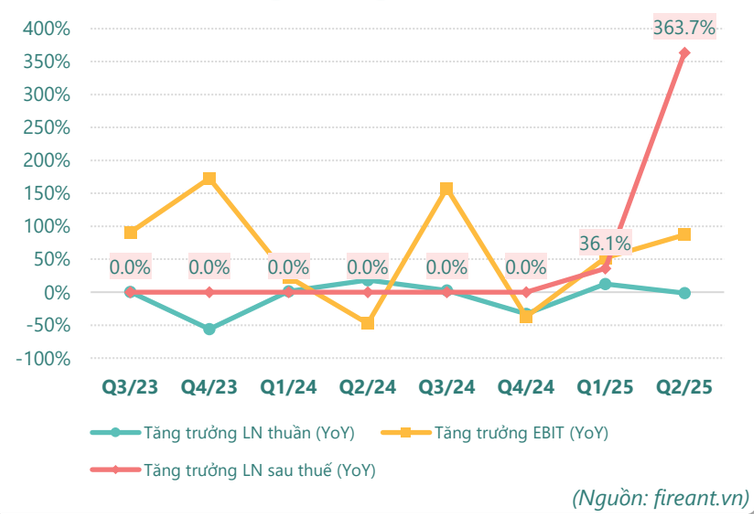
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



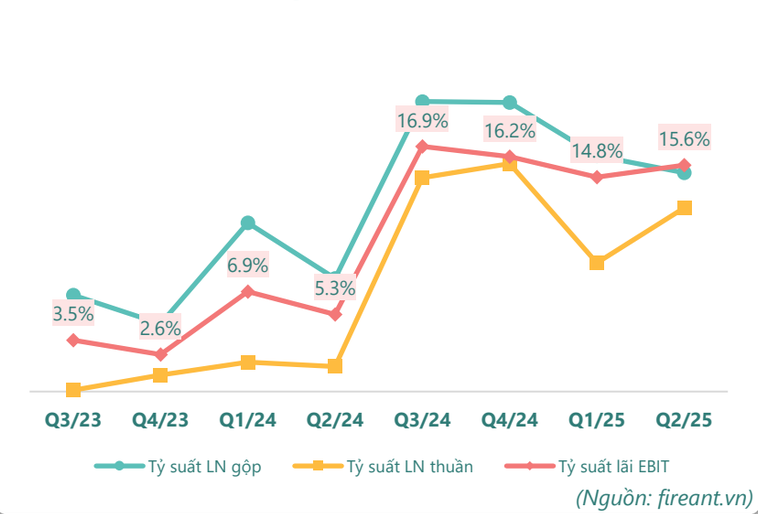
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



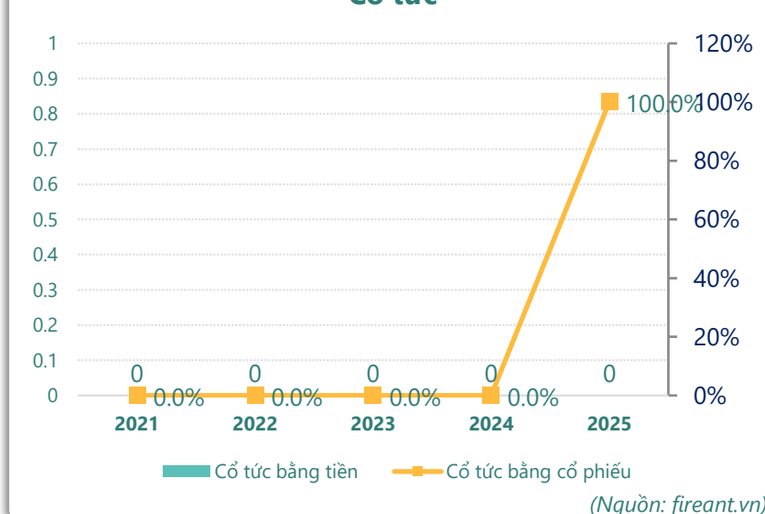
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

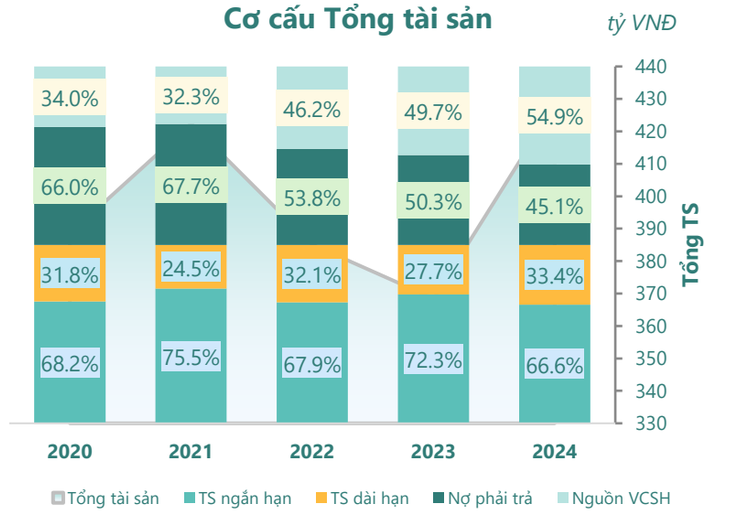
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

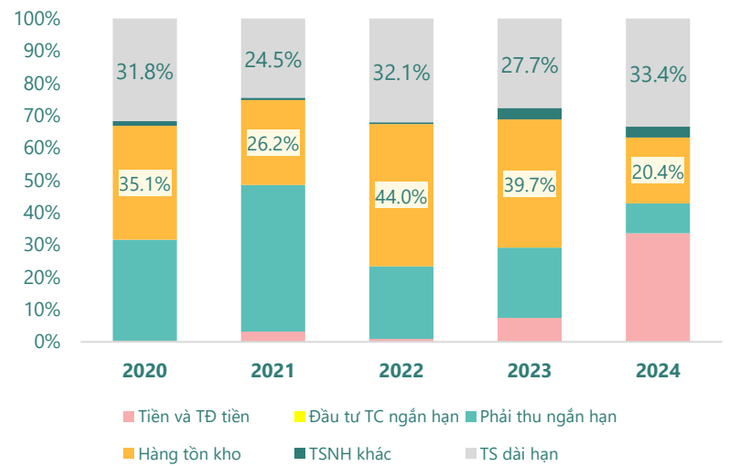
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



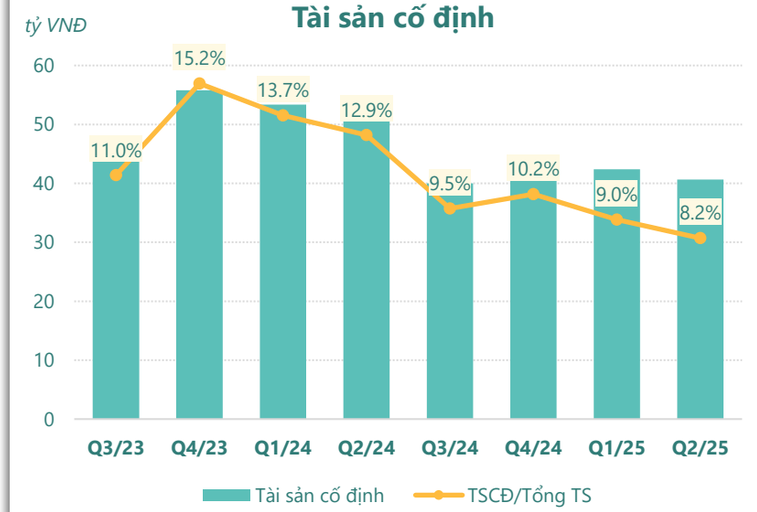
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



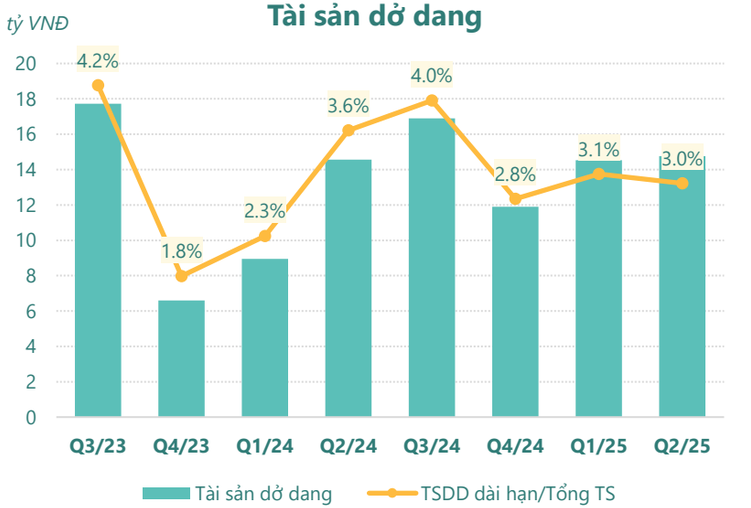
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



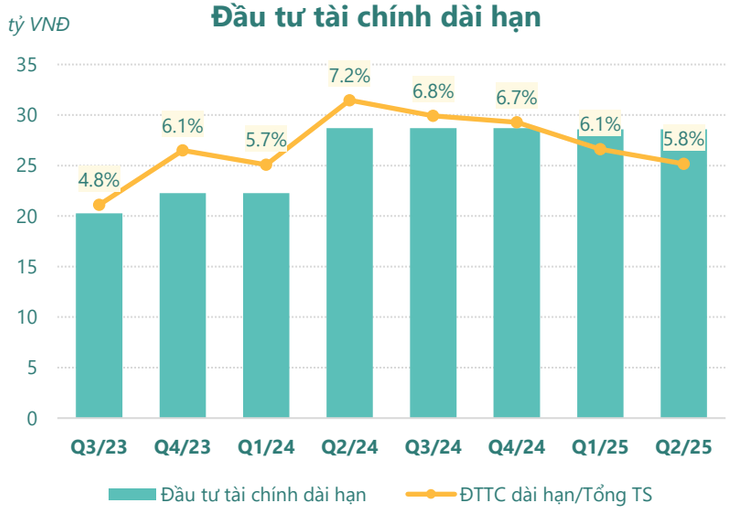
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



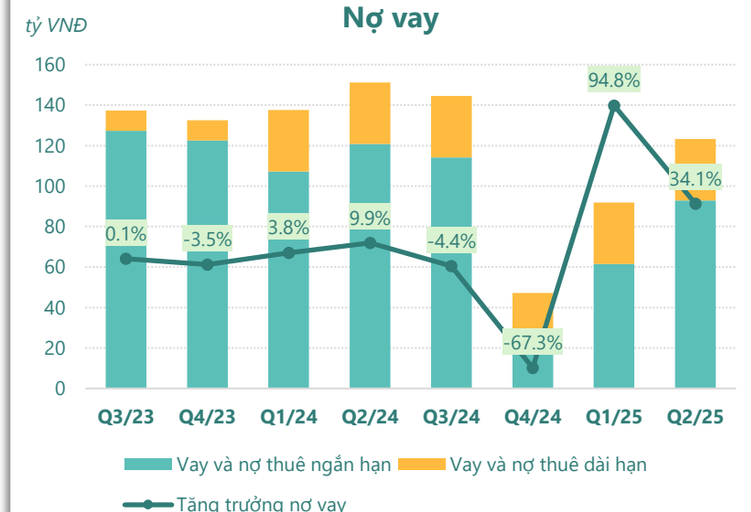
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

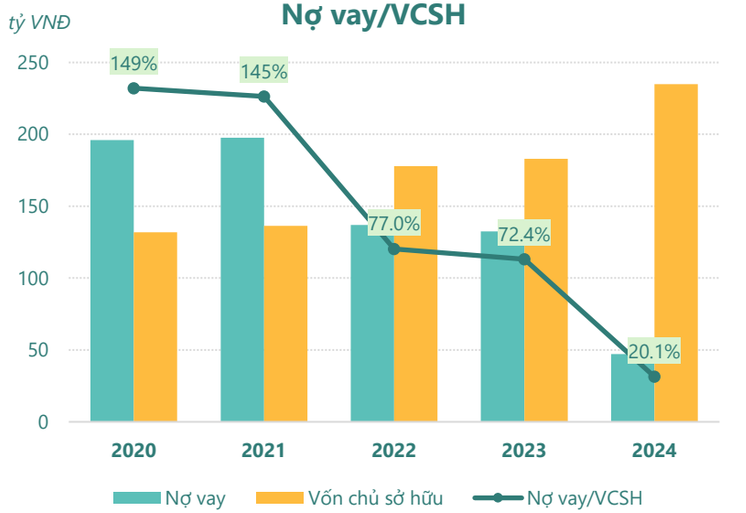
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

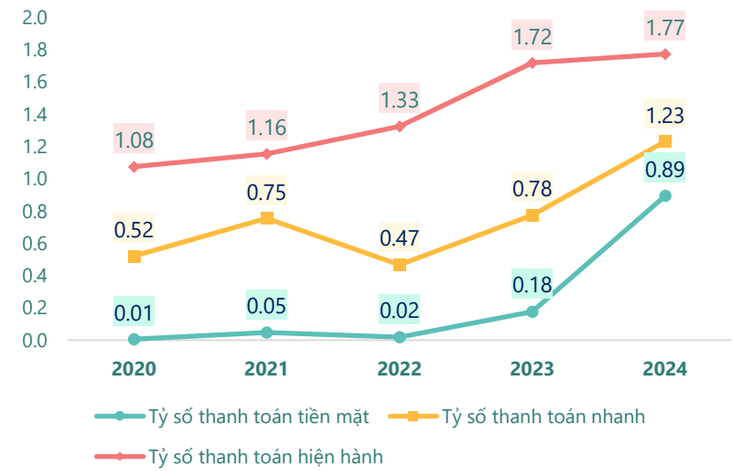
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



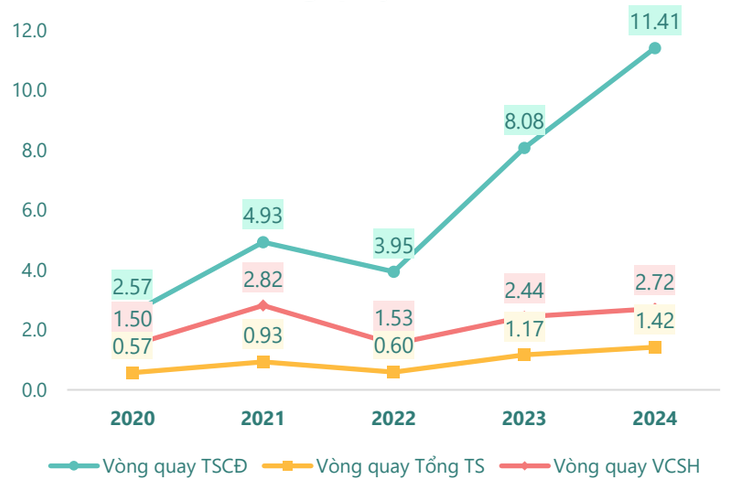
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



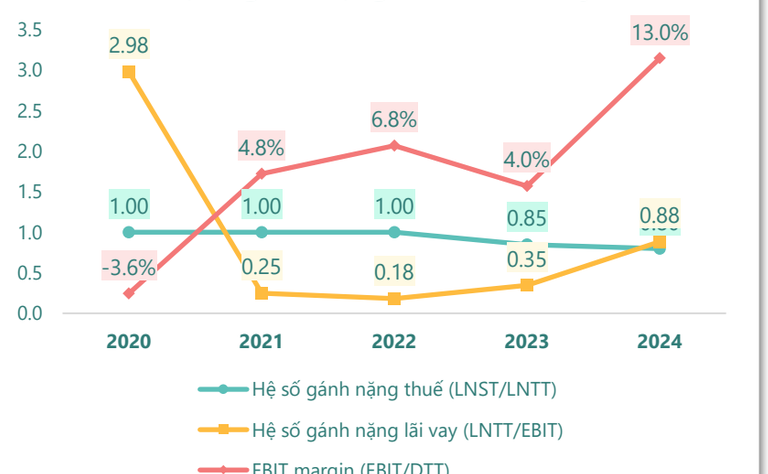
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



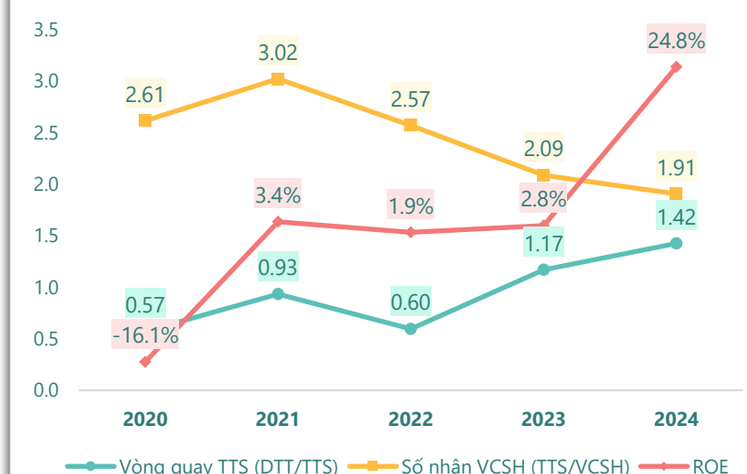
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



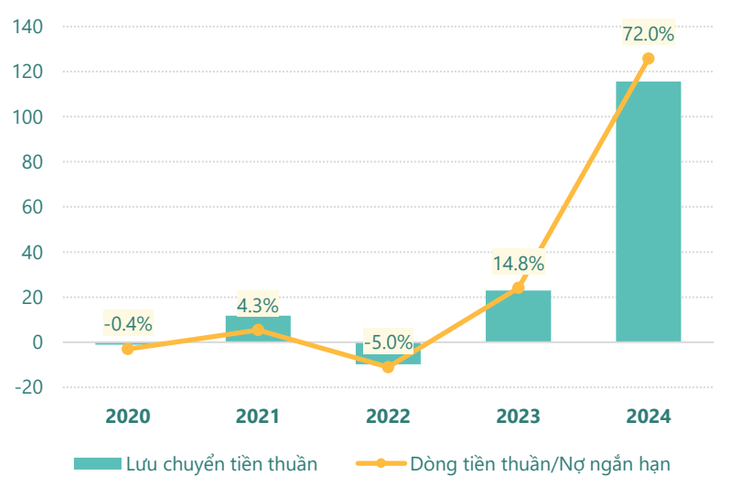
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.1**	**101**	**-2.9%**	**121**	**163**	**-25.3%**
Giá vốn hàng bán	83.3	93.5	-10.9%	103	147	-30.3%
Lợi nhuận gộp	14.8	7.92	86.6%	18.6	15.0	23.8%
Doanh thu HĐTC	3.97	1.11	258%	5.84	1.81	222%
Chi phí TC	1.88	2.52	-25.5%	2.93	4.91	-40.3%
Chi phí lãi vay	1.95	2.52	-22.4%	2.93	4.91	-40.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.77	0.77	0.2%	0.95	1.23	-22.9%
Chi phí QLDN	**3.69**	**3.99**	**-7.6%**	**6.05**	**7.69**	**-21.3%**
LN thuần từ HĐKD	12.4	1.74	614%	14.5	2.98	385%
Lợi nhuận khác	**0.93**	**1.13**	**-18.1%**	**1.33**	**1.71**	**-22.3%**
LN trước thuế	13.3	2.88	363%	15.8	4.70	237%
Lợi nhuận sau thuế	**10.7**	**2.30**	**364%**	**12.7**	**3.76**	**237%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.7**	**2.30**	**364%**	**12.7**	**3.76**	**237%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.4	44.1	41.2	158	-85.0	-39.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.33	-16.0	4.33	-7.36	-72.3	-1.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.06	13.6	-6.69	-97.3	44.7	31.4
Tiền đầu kỳ	27.4	9.45	52.3	89.5	144	32.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-18.7**	**41.7**	**38.9**	**53.6**	**-113**	**-10.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.70	1.11	-1.69	0.60	1.65	2.57
Tiền cuối kỳ	9.45	52.3	89.5	144	32.8	24.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**497**	**428**	**16.0%**
Tài sản ngắn hạn	334	285	17.1%
Tiền và tương đương tiền	24.9	144	-82.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	112	39.5	183%
Hàng tồn kho	171	87.1	96.3%
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	14.7	76.2%
Tài sản dài hạn	**163**	**143**	**14.0%**
Phải thu dài hạn	2.39	2.14	12.1%
Tài sản cố định	40.6	43.6	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.8	11.9	24.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.6	28.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**76.7**	**56.8**	**34.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	249	193	29.0%
Nợ ngắn hạn	**217**	**161**	**34.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.9	16.8	453%
Phải trả người bán ngắn hạn	88.7	93.6	-5.2%
Nợ dài hạn	32.4	32.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**248**	**235**	**5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**248**	**235**	**5.4%**
Vốn điều lệ	117	117	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)